

## QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành “**Hướng dẫn thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại đối với hợp đồng xây dựng**”

### TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-BCT ngày 05/02/2010 của Bộ Công Thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TP.HCM;

Căn cứ quyết định số 257/QĐ-EVN ngày 25/9/2018 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực TP.HCM;

Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-HĐTV ngày 30/05/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực TP.HCM về việc ban hành Quy chế Quản trị trong Tổng công ty Điện lực TP.HCM;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-HĐTV ngày 30/5/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực TP.HCM về việc ban hành Quy chế phân cấp giữa Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3456/QĐ-EVNHCMC ngày 08/7/2025 của Tổng công ty Điện lực TP.HCM về việc ban hành Chương trình xây dựng Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty Điện lực TP.HCM năm 2025 hiệu chỉnh (lần 2);

Xét văn bản số 267/KTTTTPC ngày 29/09/2025 của Ban Kiểm tra Thanh tra và Pháp chế về việc thẩm định pháp lý dự thảo Hướng dẫn thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại đối với hợp đồng xây dựng.

Xét đề nghị của Trưởng Ban Quản lý đầu tư,

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là nội dung “**Hướng dẫn thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại đối với hợp đồng xây dựng**”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế cho Quyết định số 4220/QĐ-EVNHCMC ngày 30/9/2024.

**Điều 3.** Ban Quản lý đầu tư phối hợp với Ban Pháp chế và Ban Tổ chức và Nhân sự thực hiện phổ biến nội dung hướng dẫn này cho các đối tượng áp dụng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành.

**Điều 4.** Các Đơn vị trực thuộc, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chức năng, Thủ Trưởng các Đơn vị trực thuộc Tổng công ty căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Thường vụ Đảng ủy (để báo cáo);
- Hội đồng Thành viên (để báo cáo);
- Ban Tổng Giám đốc (để biết);
- Kiểm soát viên chuyên trách (để biết);
- ĐU, CĐ, ĐTN (để biết);
- Lưu: VT, ĐT, BHP.(03)

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Thanh**

# HƯỚNG DẪN THƯỜNG, PHẠT, BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI ĐỐI VỚI HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

## I. TÀI LIỆU LIÊN QUAN

1. Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH 13 ngày 24/11/2015;
2. Luật Xây dựng số 50/2014/QH 13 ngày 18/6/2014;
3. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH 14 ngày 17/6/2020;
4. Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết hợp đồng xây dựng;
5. Quyết định số 257/QĐ-EVN ngày 25/9/2018 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực TP. HCM;
6. Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
7. Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về quy định về xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng;
8. Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn nội dung hợp đồng xây dựng do Bộ Trưởng Bộ Xây dựng ban hành.
9. Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
10. Quyết định số 70/QĐ-HĐTV ngày 30/5/2025 của Hội đồng thành viên – Tổng công ty Điện lực TP.HCM về ban hành quy chế về công tác đầu tư xây dựng áp dụng trong Tổng công ty Điện lực TP.HCM;
11. Quyết định số 71/QĐ-HĐTV ngày 30/05/2025 của HĐTV Tổng công ty Điện lực TP.HCM về việc ban hành “Quy chế quản trị trong Tổng công ty Điện lực TP.HCM”;
12. Quyết định số 3456/QĐ-EVNHCMC ngày 08/07/2025 của Tổng công ty Điện lực TP.HCM về việc ban hành “Chương trình xây dựng quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty Điện lực TP.HCM năm 2025 hiệu chỉnh (lần 2)”.

## II. NỘI DUNG CHÍNH

### CHƯƠNG I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

###### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Hướng dẫn này áp dụng đối với các hợp đồng xây dựng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng, hợp đồng thi công xây dựng công trình, hợp đồng cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình xây dựng theo quy định tại Điều 140 - Luật Xây dựng 2014; Điều 3 - Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 và khoản 2 – Điều 1 - Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.

###### **2. Đối tượng áp dụng**

Các Đơn vị trực thuộc Tổng công ty (chủ đầu tư - bên giao thầu) thực hiện ký hợp đồng xây dựng với các nhà thầu - bên nhận thầu.

##### **Điều 2. Giải thích các từ viết tắt**

1. ĐTXD : Đầu tư xây dựng.
2. TMĐT : Tổng mức đầu tư.
3. VTTB : Vật tư thiết bị.
4. IMIS : Chương trình về đầu tư xây dựng.
5. QĐ 70 : Quyết định số 70/QĐ-HĐTV ngày 30/5/2025 của Hội đồng thành viên – Tổng công ty Điện lực TP.HCM về ban hành quy chế về công tác đầu tư xây dựng áp dụng trong Tổng công ty Điện lực TP.HCM.
6. ĐTM : Đánh giá tác động môi trường.
7. DTXD : Dự toán xây dựng.
8. QLDA : Quản lý dự án.
9. GTGT : Giá trị gia tăng.
10. HSMT : Hồ sơ mời thầu.
11. HSYC : Hồ sơ yêu cầu.

### **Điều 3 Nguyên tắc chung**

1. Việc thưởng, phạt hợp đồng xây dựng, bồi thường thiệt hại do vi phạm và giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng thực hiện theo khoản 1, 2 - Điều 146 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c - khoản 64 - Điều 1 - Luật Xây dựng số 62/2020/QH 14 ngày 17/6/2020 và Điều 419 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

2. Đối với hợp đồng có nhiều hạng mục, thì mức phạt tối đa của mỗi hạng mục bị vi phạm là 12 % giá trị hợp đồng (gồm thuế GTGT) phần hạng mục bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phần bị vi phạm), tổng giá trị phạt không quá 12 % giá trị hợp đồng, mức phạt đạt 12 % chủ đầu tư sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng.

3. Tất cả các nội dung về thưởng, phạt, bồi thường phải được đưa vào hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hợp đồng và chỉ được xem xét thưởng, phạt, bồi thường khi trong hợp đồng có quy định. Trường hợp phát sinh các thỏa thuận về thưởng, phạt, bồi thường khác thì các bên phải thực hiện ký phụ lục hợp đồng cho nội dung sửa đổi bổ sung trước khi thực hiện.

4. Bộ phận kiểm soát, thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hợp đồng có trách nhiệm kiểm tra việc đưa vào các nội dung thưởng, phạt, bồi thường khi trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và hợp đồng trước khi ban hành theo quy định.

5. Ngày được quy định trong hướng dẫn này là ngày thường (bao gồm cả ngày lễ, thứ bảy và chủ nhật) trừ trường hợp có quy định chi tiết.

6. Trước khi tiến hành việc thưởng phạt, yêu cầu bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả của hợp đồng thì các bên phải thông báo bằng văn bản cho nhau biết trước tối thiểu là 02 lần trừ trường hợp khẩn cấp cần khắc phục ngay hậu quả. Việc tạm dừng và chấm dứt hợp đồng thực hiện theo điều 40 và 41 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định về chi tiết hợp đồng xây dựng.

7. Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày bên nhận thầu hoặc bên giao thầu phát hành văn bản xử phạt lần thứ 2, bên bị phạt có trách nhiệm chuyển tiền phạt hoặc tiền bồi thường theo quy định của hợp đồng cho bên phát hành văn bản xử phạt hoặc tiền xử phạt sẽ được khấu trừ trong đợt thanh toán gần nhất nếu bên bị phạt không chuyển tiền phạt hoặc tiền bồi thường theo quy định của hợp đồng cho bên phát hành văn bản xử lý phạt.

8. Chi phí trong trường hợp phải giải quyết tranh chấp qua trọng tài thương mại hoặc tòa án: sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh của đơn vị hoặc Tổng công ty.

9. Trường hợp hợp đồng cung cấp vật tư thiết bị lắp đặt cho công trình: áp dụng tương tự như hợp đồng cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình xây dựng.

10. Hợp đồng xây lắp và cung cấp vật tư thiết bị: kết hợp nội dung thưởng phạt của hợp đồng thi công xây dựng và hợp đồng cung cấp thiết bị.

11. Trường hợp quy định của pháp luật, của Tập đoàn, Tổng công ty ban hành mới có sự thay đổi khác với các nội dung quy định tại hướng dẫn này thì thực hiện theo các hướng dẫn mới và các đơn vị là bên giao thầu có trách nhiệm thông báo kịp thời cho bên nhận thầu biết để áp dụng thực hiện các quy định của Tập đoàn, Tổng công ty mới ban hành và thực hiện các thủ tục điều chỉnh, bổ sung hợp đồng cho phù hợp.

12. Trường hợp các bên để xảy ra vi phạm theo quy định của pháp luật (Quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng theo Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ và các văn bản thay thế) thì ngoài mức phạt phải nộp theo quy định pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bên vi phạm phải chịu phạt theo nội dung của quy định này.

## CHƯƠNG II

### QUY ĐỊNH VỀ THƯỞNG HỢP ĐỒNG

#### **Điều 4. Nguyên tắc**

Chỉ áp dụng thưởng khi đáp ứng đủ các điều kiện:

1. Không điều chỉnh kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng do lỗi của nhà thầu; đảm bảo chất lượng công việc theo nội dung hợp đồng đã ký.

2. Tiến độ, khối lượng thực tế vượt tiến độ, khối lượng quy định trong hợp đồng từ 1/4 thời gian trở lên hoặc có giải pháp thiết kế, thi công đem lại lợi ích kinh tế (tính được bằng tiền có giá trị từ 1/4 giá trị hợp đồng) cho bên giao thầu.

#### **Điều 5. Mức thưởng và nguồn tiền thưởng**

Mức thưởng và nguồn tiền thưởng theo quy định hiện hành của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng công ty Điện lực TP.HCM.

### CHƯƠNG III

#### QUY ĐỊNH VỀ PHẠT HỢP ĐỒNG

**Điều 6. Đối với hợp đồng tư vấn xây dựng (khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế, dự toán, tư vấn thẩm tra, tư vấn lập hồ sơ thầu, hồ sơ môi trường)**

##### 1. Đối với bên nhận thầu

###### a) Nguyên tắc:

Nội dung vi phạm/ sai sót về chất lượng hoặc các thiếu sót trong hồ sơ tư vấn dẫn đến hậu quả: việc triển khai thực hiện không đúng quy định của pháp luật, quy định của cấp có thẩm quyền (Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty), quy định của hợp đồng như khảo sát thiết kế sai quy chuẩn, tiêu chuẩn, sai định mức, đơn giá,..; hoặc việc triển khai thực hiện gây thiệt hại cho chủ đầu tư (phát sinh chi phí, lãng phí, gây sự cố công trình, đưa ra giải pháp khảo sát, thiết kế không phù hợp dẫn đến không thể triển khai thi công trong thực tế) được quy định, như sau:

- Vi phạm trong công tác khảo sát:

+ Vi phạm trong thu thập, tính toán các số liệu về khí tượng – thủy văn.

+ Vi phạm trong công tác khảo sát địa hình (đo đạc, xây dựng các mốc địa hình, các bản đồ địa hình, các mặt cắt địa hình,...).

+ Vi phạm trong công tác khảo sát địa chất (bản đồ địa chất công trình, công tác địa vật lý, công tác khoan/ đào địa chất, công tác bảo quản nôn khoan,...).

+ Vi phạm trong việc điều tra, khảo sát, thống kê, xác định khối lượng các ảnh hưởng, tác động bởi Dự án/ công trình... (diện tích chiếm đất, khối lượng bồi thường, di dân tái định cư, giải phóng mặt bằng,... các số liệu, tài liệu liên quan đến xác lập báo cáo ĐTM,...).

+ Vi phạm trong công tác phân tích, đánh giá kết quả và xác lập các chỉ tiêu khảo sát về khí tượng thủy văn, địa hình, địa chất (chỉ tiêu cơ lý đất đá, phân lớp địa chất công trình, động đất, kiến tạo,...).

+ Vi phạm trong công tác cập nhật hạ tầng ngầm.

- + Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
- Vi phạm trong công tác thiết kế:
  - + Vi phạm trong việc áp dụng các tiêu chuẩn thiết kế, phân loại cấp công trình và nhóm công trình, lựa chọn tần suất tính toán thiết kế (về thủy văn, sóng, gió,...) đối với hạng mục/ công trình,....
  - + Vi phạm trong phân tích sự cần thiết đầu tư, phân tích kinh tế - tài chính của Dự án.
  - + Vi phạm trong việc lựa chọn, xác định tổ hợp tải trọng tác động lên hạng mục/ công trình,... trong các trường hợp tính toán.
  - + Vi phạm trong việc tính toán, phân tích lựa chọn phương án, lựa chọn tuyến, thiết kế bố trí hạng mục/ tổng thể công trình và các hạng mục công trình phụ trợ,....
  - + Vi phạm trong giải pháp thiết kế, lựa chọn công nghệ.
  - + Vi phạm trong tính toán, thiết kế đối với từng cấu kiện, bộ phận, hạng mục, trong Hồ sơ thiết kế của Dự án/ công trình.
  - + Vi phạm trong việc xác lập, kiến nghị biện pháp tổ chức xây dựng, biện pháp thi công hạng mục/ công trình.
  - + Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
  - + Vi phạm trong bóc tách khối lượng từ bản vẽ, bản vẽ thiết kế sai sót,...
  - + Các vi phạm, sai sót chủ quan khác dẫn đến phải sửa đổi thiết kế trong quá trình chọn thầu, trong quá trình thi công, nghiệm thu.
- Vi phạm trong công tác lập, thẩm tra chi phí:
  - + Vi phạm trong việc tuân thủ các quy định về quản lý chi phí ĐTXD được ban hành và có hiệu lực đối với từng thời kỳ.
  - + Vi phạm trong việc tuân thủ nội dung hồ sơ kỹ thuật (khảo sát, thiết kế các giai đoạn: khối lượng, biện pháp tổ chức xây dựng/biện pháp thi công, các điều kiện tự nhiên liên quan,...).
  - + Áp dụng/vận dụng định mức, đơn giá và các chế độ trong tính toán, xác định chi phí không đúng.
  - + Các sai sót trong quá trình tính toán, xác định chi phí.

+ Vi phạm thời gian thực hiện và/hoặc không đầy đủ hồ sơ liên quan theo quy định khi trình duyệt (kể cả các tài liệu gửi qua e.mail, D.office, phần mềm quản lý ĐTXD...).

+ Xác định TMĐT/ĐTXD/dự toán gói thầu có giá chi phí chênh lệch lớn hơn  $\pm 10\%$  so với kết quả thẩm tra, thẩm định, phê duyệt.

- Các nội dung vi phạm khác:

+ Nội dung hồ sơ không thống nhất (do lỗi chủ quan của tư vấn) dẫn đến việc: hồ sơ dự án, thiết kế, hồ sơ mời thầu bị cơ quan có thẩm quyền/ cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trả về yêu cầu hiệu chỉnh (Sở Công Thương TP.HCM, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Sở Xây dựng TP.HCM, Bộ Xây dựng, đặc biệt là Tập đoàn Điện lực Việt Nam trả hồ sơ yêu cầu hiệu chỉnh, các nhà thầu tham dự thầu phát hiện sai sót trong hồ sơ thiết kế, hồ sơ mời thầu gửi văn bản đề nghị bên mời thầu làm rõ).

+ Về việc lựa chọn phương án bố trí tổng thể mặt bằng chưa tối ưu (làm ảnh hưởng đến: công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; khả năng mở rộng của công trình; khó khăn trong sửa chữa, thay thế VTTB, vận hành hệ thống,...).

+ Hồ sơ tư vấn, hồ sơ thiết kế, hồ sơ mời thầu làm hạn chế Nhà sản xuất, Nhà thầu tham dự.

+ Đối với các vi phạm khác: các đơn vị nhận dạng theo hướng dẫn về xử lý sai phạm trong đầu tư xây dựng tại chương X – QĐ 70 để áp dụng cho phù hợp.

b) Mức phạt:

- Giá trị phạt do vi phạm về tiến độ được tính = tối đa  $12\%$  x phân giá trị hợp đồng bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phân bị vi phạm) (tỷ lệ % tùy theo tính chất vi phạm do các đơn vị tự quyết định).

- Giá trị phạt do vi phạm về chất lượng được tính = tỷ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phân bị vi phạm) đã ký; được tính lũy kế các lần 1 phạt  $5\%$ , lần 2 phạt  $7\%$ , lần 3 phạt  $12\%$ ; Tổng giá trị phạt không quá  $12\%$  giá trị hợp đồng, mức phạt đạt  $12\%$  có thể xem xét chấm dứt hợp đồng.

- Các Đơn vị phải yêu cầu nhà thầu chào riêng giá trị của từng hạng mục công việc như: công tác khảo sát; công tác lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật; công tác lập thiết kế, dự toán sau thiết kế cơ sở; công

tác lập báo cáo môi trường; công tác lập hồ sơ mời thầu,... làm cơ sở tính giá trị phạt hợp đồng khi nhà thầu có vi phạm.

## 2. Đối với bên giao thầu

a) Trường hợp, bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải chịu phạt (đồng thời là mức bồi thường) cho bên nhận thầu. Mức phạt tính trên số tiền phải thanh toán gồm thuế GTGT nhân (x) số ngày chậm thanh toán và lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán. Ngày chậm thanh toán được tính từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu.

b) Thời hạn thanh toán tối đa:

- Đối với các hợp đồng sử dụng vốn trong nước (nguồn khấu hao, vốn vay tín dụng thương mại, ...): thời hạn thanh toán không được kéo dài quá 14 ngày làm việc kể từ ngày bên giao thầu nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Trong đó, thời gian cấp phát vốn của cơ quan Tổng công ty là 06 ngày làm việc và thời gian giải quyết của các Đơn vị là 08 ngày làm việc (Đơn vị phải xây dựng mạch chu lưu nội bộ để thực hiện).

- Đối với hợp đồng sử dụng vốn vay ODA: thực hiện theo quy định của nhà tài trợ, các quy định của pháp luật về xây dựng và các nội dung khác liên quan.

- Các Đơn vị lập biên bản giao nhận hồ sơ thanh toán, thực hiện kiểm tra ngay khi nhận hồ sơ làm cơ sở để tính thời hạn thanh toán.

c) Xác định trách nhiệm để xảy ra lỗi chậm thanh toán:

- Trường hợp xảy ra lỗi chậm thanh toán do nguyên nhân chủ quan của Đơn vị thì các Đơn vị phải xác định rõ trách nhiệm cá nhân để xử lý kỷ luật hoặc đề xuất Tổng công ty hình thức kỷ luật các cá nhân gây ra lỗi chậm thanh toán theo đúng nội quy lao động của Tổng công ty; báo cáo về Tổng công ty:

+ Kết quả xử lý kỷ luật hoặc đề xuất xử lý kỷ luật.

+ Xác định rõ giá trị chậm trả và lãi suất của ngân hàng dự kiến áp dụng để thanh toán cho nhà thầu.

- Trường hợp nguyên nhân chậm thanh toán do các Ngân hàng thương mại, cơ quan cấp phát vốn, các Ban chức năng Tổng công ty, Tổng công ty sẽ làm việc cụ thể, giải quyết theo thẩm quyền.

## **Điều 7. Đối với hợp đồng tư vấn (giám sát thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị công trình)**

### **1. Đối với bên nhận thầu**

a) Nguyên tắc: Nội dung vi phạm về chất lượng hồ sơ tư vấn giám sát được quy định như sau:

- Nghiệm thu không đúng thiết kế.
- Giám sát thi công không đúng thiết kế bản vẽ thi công, biện pháp thi công được duyệt dẫn đến chất lượng không đảm bảo, gây nên sự cố công trình, phải phá đi làm lại, làm chậm tiến độ.
- Kiểm tra, nghiệm thu khối lượng công việc, khối lượng thi công xây dựng và hồ sơ hoàn công không đúng theo bản vẽ thi công được duyệt và khối lượng thi công thực tế tại công trường gây nên sai phạm về khối lượng, ảnh hưởng đến công tác nghiệm thu công việc/ hạng mục/ dự án phục vụ thanh quyết toán.
- Phạt khi để xảy ra sai sót về an toàn, vệ sinh môi trường, chậm tiến độ mà không phát hiện báo cáo và chủ đầu tư.
- Phạt khi nghiệm thu không đúng khối lượng, chất lượng.
- Các nội dung sai sót khác gồm: vi phạm hợp đồng giám sát đã ký; chậm trễ trong nghiệm thu VTTB, nghiệm thu công việc, nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu đóng điện, nghiệm thu hạng mục/công trình hoàn thành; chậm trễ trong kiểm tra, xác nhận khối lượng; chậm báo cáo từ 03 ngày trở lên hoặc không báo cáo tình hình thi công hàng tuần cho chủ đầu tư; không ghi chép nội dung giám sát trong sổ nhật ký thi công; không cập nhật chương trình IMIS kịp thời; không có mặt trên công trường; không chụp hình, quay phim hoặc chụp hình, quay phim không đầy đủ các vị trí lắp khuất đúng theo quy định.

b) Mức phạt:

“Giá trị phạt = tỉ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phần bị vi phạm) đã ký; lần 1 - phạt 1 %, lần 2 và 3 - phạt 3 %, lần 4 - phạt 5 %; tổng giá trị phạt không quá 12 % giá trị hợp đồng, mức phạt đạt 12 % có thể xem xét chấm dứt hợp đồng.

### **2. Đối với bên giao thầu**

Tương tự như quy định tại khoản 2 - Điều 6.

## **Điều 8. Đối với hợp đồng cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình**

## 1. Đối với bên nhận thầu

a) Nguyên tắc: Nội dung vi phạm đối với hợp đồng cung cấp thiết bị được quy định như sau:

- Các nội dung sai sót liên quan đến tiến độ cung cấp thiết bị: bắt đầu từ ngày thứ 5 trở đi, cứ mỗi ngày chậm sẽ bị phạt.
- Các nội dung sai sót liên quan đến chất lượng thiết bị: thiết bị không đảm bảo chất lượng theo đúng yêu cầu của hợp đồng.

b) Mức phạt:

- Giá trị phạt do sai sót về chất lượng được tính = tối đa 12 % x phần giá trị hợp đồng bị vi phạm (tỷ lệ % tùy theo tính chất vi phạm do các Đơn vị tự quyết định).
- Giá trị phạt do sai sót về tiến độ được tính = tỷ lệ % x giá trị hạng mục công việc bị vi phạm (tỷ lệ được tính bắt đầu từ ngày thứ 5, cứ mỗi ngày chậm tiếp theo sẽ phạt 0,1 % giá trị lô hàng).
- Tổng mức phạt cho cả 02 nội dung trên không quá 12 % giá trị hợp đồng bị vi phạm; mức phạt tối đa đến 12 % sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng”.

## 2. Đối với giao thầu

Tương tự như quy định tại khoản 2 - Điều 6.

## Điều 9. Đối với hợp đồng thi công xây dựng

### 1. Đối với bên nhận thầu

a) Nguyên tắc: Nội dung vi phạm đối với hợp đồng thi công xây dựng được quy định như sau:

- Vi phạm tiến độ thi công theo hợp đồng đã ký (trường hợp chậm tiến độ); chậm tiến độ lập hồ sơ hoàn công, thanh quyết toán.
- Vi phạm về chất lượng công trình:
  - + Để xảy ra lỗi không đảm bảo chất lượng trong quá trình thi công nhà thầu không tự kiểm soát mà do chủ đầu tư (hoặc tư vấn chủ đầu tư) phát hiện do hậu kiểm phải làm lại.
  - + Có hiện tượng làm hồ sơ không đúng sự thật bị phát hiện phải làm lại.
  - + Không đảm bảo chất lượng thi công gây sự cố sau khi đưa vào sử dụng.

+ Nhà thầu không thực hiện đúng theo thiết kế được duyệt, tự ý thay đổi thiết kế hoặc không tuân thủ phương án thi công đã được phê duyệt. Không bảo quản tốt vật tư Chủ đầu tư cấp để xảy ra hư hỏng làm giảm chất lượng vật tư không thể sử dụng.

+ Các nội dung sai sót khác gồm: không ghi chép nội dung diễn biến trong sổ nhật ký thi công, không có mặt chỉ huy trưởng, các bộ kỹ thuật thi công trên công trường khi chủ đầu tư kiểm tra.

+ Không cung cấp các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành.

+ Không đảm bảo vật tư, thiết bị được cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hồ sơ hợp đồng.

+ Bị người dân, báo đài, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư, tư vấn giám sát, chuyên gia của nhà tài trợ vốn phản ánh, nhắc nhở về tình trạng thi công không đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường hoặc không khắc phục triệt để, đúng yêu cầu các phản ánh, khiếu nại của người dân, báo đài, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư, tư vấn giám sát, chuyên gia của nhà tài trợ.

+ Các vi phạm khác như:

- Vật tư thiết bị đưa vào lắp đặt cho công trình không đảm bảo chất lượng, không cử đúng thành phần cán bộ chủ chốt tham gia thi công công trình, không trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, thi công không đảm bảo an toàn, chậm trễ lập hồ sơ chuẩn bị thi công, hồ sơ thi công, hồ sơ nghiệm thu, xác nhận khối lượng, hoàn công, quyết toán giữa các đơn vị liên quan,...

- Sử dụng các thiết bị, máy móc thi công, thiết bị đo đạc, thí nghiệm,... chưa được kiểm định và thiết bị hết hạn sử dụng trước khi đưa vào sử dụng cho công trình.

- Nhà thầu trả điện trễ hoặc tăng số lần cắt điện do nguyên nhân chủ quan của nhà thầu.

- Nhà thầu chậm trễ trong việc nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng hoặc chậm trễ gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng, gia hạn bảo lãnh tiền tạm ứng hoặc chậm nộp bảo lãnh bảo hành theo quy định.

b) Mức phạt:

- Giá trị phạt do sai sót về chất lượng thi công = tối đa 12 % x phần giá trị hợp đồng bị vi phạm (tỷ lệ % tùy theo tính chất vi phạm do các Đơn vị tự quyết định).

- Giá trị phạt do sai sót về an toàn lao động, vệ sinh môi trường = tỷ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (lần đầu tỷ lệ phạt là 2 %, lần thứ hai trở đi cứ mỗi lần vi phạm sẽ phạt 4 %, tối đa 12 %).

- Giá trị phạt do chậm tiến độ được tính = tỷ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (cứ mỗi tuần chậm sẽ phạt 0,5 %, mức phạt tối đa đến 12 % sẽ thực hiện chấm dứt hợp đồng).

- Tổng giá trị phạt không quá 12 % giá trị hợp đồng bị vi phạm, mức phạt đạt 12 % có thể xem xét chấm dứt hợp đồng.

## 2. Đối với bên giao thầu

Tương tự như quy định tại khoản 2 - Điều 6.

**Điều 10.** Đối với các loại hợp đồng khác, như hợp đồng: tư vấn kiểm toán, bảo hiểm, đo đạc bản đồ, thí nghiệm hiệu chỉnh công trình điện,....: các đơn vị căn cứ hướng dẫn này để áp dụng cho phù hợp.

## CHƯƠNG IV

### QUY ĐỊNH VỀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

#### Điều 11. Đối với bên nhận thầu

Ngoài mức phạt hợp đồng đã được quy định ở Chương III, bên nhận thầu phải bồi thường thiệt hại tương ứng với các mức thiệt hại do lỗi của bên nhận thầu theo các nội dung quy định tại Chương III (các bên lập biên bản xác nhận thiệt hại) và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng.

*Mức bồi thường = Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng + chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng.*

Trong đó:

(1) Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng bao gồm chi phí khắc phục tất cả các hư hỏng, sự cố do bên nhận thầu gây ra như mua sắm lại VTTB, khắc phục công trình lân cận bị hư hỏng, thiệt hại về tài sản, vật chất, tính mạng,... do đơn vị thiết kế, thi công, giám sát hoặc cung cấp hàng hóa gây ra (thiết kế sai quy chuẩn, tiêu chuẩn, lựa chọn vị trí, địa điểm không phù hợp dẫn đến thi

công xong phải đập bỏ, thi công sai thiết kế, thi công không đảm bảo an toàn gây sự cố,...) (trường hợp bên nhận thầu tự khắc phục thì không phải bồi thường chi này).

(2) Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng bao gồm: chi phí trả lãi vay trong thời gian công trình chậm đưa vào sử dụng.

### **Điều 12. Đối với bên giao thầu**

Trường hợp, bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng và đã chịu phạt như quy định tại khoản 2 - Điều 6 thì không thực hiện việc bồi thường.

Trong nội dung hợp đồng đã ký, các Đơn vị cần quy định rủi ro khi bên giao thầu chậm bàn giao mặt bằng thì bên giao thầu không chịu phạt hoặc bồi thường cho bên nhận thầu.

### **Điều 13. Sự liên hệ của các tài liệu liên quan đến hướng dẫn**

Stt	Căn cứ1	Căn cứ2	Căn cứ3	Căn cứ4	Căn cứ6	Căn cứ7	Căn cứ8	Căn cứ9	Hướng dẫn hiện hành
1	Điều 419	khoản 1, 2 Điều 146	Điểm c, khoản 64, Điều 1	Điều 40, 41	Liên quan	Liên quan	Liên quan		- Mục 1, Điều 3 của Hướng dẫn. - Mục 5, Điều 3 của Hướng dẫn. - Mục 11, Điều 3 của Hướng dẫn.
2								Khoản 1, Điều 98, 99, 100	- Điểm a, b, mục 1, Điều 6 của Hướng dẫn.
3								Khoản 1, Điều 105	- Điểm a, mục 1, Điều 7 của Hướng dẫn.
4								Khoản 2, Điều 105	- Điểm a, mục 1, Điều 9 của Hướng dẫn.

1. Căn cứ 1: Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH 13 ngày 24/11/2015.
2. Căn cứ 2: Luật Xây dựng số 50/2014/QH 13 ngày 18/6/2014.
3. Căn cứ 3: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH 14 ngày 17/6/2020.
4. Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết hợp đồng xây dựng.

5. Quyết định số 257/QĐ-EVN ngày 25/9/2018 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực TP. HCM;

6. Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

7. Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về quy định về xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng;

8. Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn nội dung hợp đồng xây dựng do Bộ Trưởng Bộ Xây dựng ban hành.

9. Quyết định số 70/QĐ-HĐTV ngày 30/5/2025 của Hội đồng thành viên – Tổng công ty Điện lực TP.HCM về ban hành quy chế về công tác đầu tư xây dựng áp dụng trong Tổng công ty Điện lực TP.HCM.

## CHƯƠNG VI

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### **Điều 14. Tổ chức thực hiện**

Tùy theo tính chất và quy mô công trình, các Đơn vị nghiên cứu và đưa các quy định phù hợp theo hướng dẫn này vào hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và hợp đồng xây dựng kể từ ngày hướng dẫn này có hiệu lực.

#### **Điều 15. Xử lý chuyển tiếp**

Các hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được phê duyệt trước ngày hướng dẫn này có hiệu lực thì vẫn tiếp tục thực hiện không yêu cầu hiệu chỉnh. Các hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hợp đồng ban hành sau ngày hướng dẫn này có hiệu lực thì phải thực hiện theo quy định tại hướng dẫn này.